

Bản án số: **561/2024/HS-PT**
Ngày: 21/11/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Công**

Các Thẩm phán:

Ông **Phạm Văn Hợp**

Ông **Phạm Ngọc Thái**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Phương Mai** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Lê Ra**- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm - Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần - Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 553/2024/TLPT-HS ngày 21 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo **Trần Đình T** bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2024/HS-ST ngày 13/9/2024.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Đình T, sinh ngày 19/11/1983, tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: nhà **số C đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam**; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Đình C**, sinh năm 1958 và bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1962; có vợ là **Hoàng Uyên T1**, sinh năm 1991 và 02 con; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 23/7/2008, bị Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng xử phạt 48 tháng tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy”;

- Ngày 07/3/2022, bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử phạt 18 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” theo Bản án hình sự phúc thẩm số 38/2022/HS-PT.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/10/2020 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh Q**. Có mặt tại điểm cầu thành phần.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Đình T là bị can trong vụ án “Tổ chức đánh bạc và đánh bạc” xảy ra tại thành phố H, tỉnh Quảng Nam vào năm 2019 do Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an tỉnh Q thụ lý. Ngày 25/3/2020, trong quá trình điều tra vụ án, **Trần Đình T** được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh. Trong vụ án này có nhiều bị can khác, trong đó có bị can **Hồng Quang T2** bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q khởi tố bị can, bắt tạm giam vào ngày 13/4/2020.

Sau khi **Hồng Quang T2** bị bắt, vợ của **T2** là chị **Vũ Hoàng Ngọc L** nhờ **T** tìm cách xin cho **T2** được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh. Khi chị **L** nhờ, mặc dù không có nhiệm vụ, quyền hạn gì liên quan đến việc thay thế, hủy bỏ biện pháp tạm giam đối với **T2** nhưng vì muốn có tiền tiêu xài, **T** đã nói dối với chị **L** là **T** có nhiều mối quan hệ nên có thể “lo” cho **T2** được tại ngoại và yêu cầu chị **L** chuẩn bị số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) để đưa cho **T**.

Ngày 05/6/2020, **T** gọi điện thoại yêu cầu chị **L** đem số tiền 500.000.000 đồng đến Chi nhánh Văn phòng Công ty TNHH Một thành viên Q1 (Công ty Q1) để đưa cho **T**. Khi chị **L** đến địa chỉ trên, lúc này tại Văn phòng của Công ty Q1 có **Trần Đình T**, anh **Mai Huy V** và anh **Trương Đình H** là những người tham gia góp vốn làm ăn với Công ty Q1 của anh **Trần Đình Q**. Tại đây, chị **L** đưa số tiền 500.000.000 đồng cho **T**, **T** nhận và nhờ anh **V** đếm giúp bằng máy đếm tiền của Công ty. Sau khi đếm và xác nhận số tiền chị **L** đưa là 500.000.000 đồng, **T** nhờ anh **V** cất giữ giúp; đồng thời, **T** bảo chị **L** về nhà đợi tin của **T**. Khoảng một tuần sau, **T** bảo anh **V** đưa cho **T** số tiền 200.000.000 đồng, anh **V** đã đưa số tiền trên cho **T**, còn lại 300.000.000 đồng, anh **V** vẫn cất giữ giúp **T**.

Sau một thời gian không thấy anh **T2** được tại ngoại nên chị **L** đã nhiều lần gọi điện thoại cho **T** hỏi thăm và hối thúc **T** giúp cho anh **T2** được tại ngoại. Khi chị **L** gọi điện thì **T** nói dối “chờ một thời gian, đang dần xếp, phải làm theo trình tự” và hồ sơ đã được thông qua nhưng “sếp” đi họp chưa ký được. Thực tế, **T** không làm việc gì giúp cho **Hồng Quang T2** được thay thế biện pháp ngăn chặn như **T** đã nói với chị **L**.

Ngày 07/7/2020, theo quy định của pháp luật, **Hồng Quang T2** được Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. Đến ngày 22/9/2020, chị **L** có đơn tố cáo hành vi của **Trần Đình T** gửi đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q tiến hành ghi lời khai, **T** đã thừa nhận và khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội. Từ lời khai nhận của **T**, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q đã tạm giữ số tiền 300.000.000 đồng mà **T** nhờ anh **Mai Huy V** cất giữ, **T** tự nguyện giao nộp số tiền trên để khắc phục hậu quả.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2024/HS-ST ngày 13/9/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam: áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo **Trần Đình T** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, xử phạt bị cáo **Trần Đình T** 08 (tám) năm tù.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 08 năm tù của bản án này với hình phạt 18 tháng tù của Bản án hình sự phúc thẩm số 38/2022/HS-PT ngày 07/3/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, buộc bị cáo **Trần Đình T** phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 15/10/2020).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 17/9/2024, bị cáo **Trần Đình T** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Trần Đình T**, sửa bản án sơ thẩm để giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/9/2024, bị cáo **Trần Đình T** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đơn kháng cáo của bị cáo là trong thời hạn quy định tại khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo:

[2.1]. Về tội danh:

Trần Đình T đang là bị can trong vụ án “Tổ chức đánh bạc, Đánh bạc” do Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh Q** thụ lý giải quyết. Trong thời gian được tại ngoại, mặc dù không quen biết ai đang công tác trong lĩnh vực tư pháp nhưng khi chị **Vũ Hoàng Ngọc L** (là vợ của **Hùng Quang T2** cũng là bị can trong vụ án) gặp và nhờ **T** tìm cách giúp cho **T2** được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, **T** đã hứa hẹn và đưa ra thông tin gian dối rằng **T** có thể giúp cho **T2** được tại ngoại khiến chị **L** tin tưởng đưa cho **T** số tiền 500.000.000 đồng để **T** “lo” cho **T2**. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền của chị **L**, **Trần Đình T** không thực hiện việc gì để giúp cho **T2** như đã hứa mà chiếm đoạt luôn số tiền này.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt **Trần Đình T** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

[2.2]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, lợi dụng sự thiếu hiểu biết của bị hại, bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối để bị hại tin tưởng giao số tiền 500.000.000 đồng sau đó chiếm đoạt. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội,

không chỉ trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, còn gây dư luận xấu đến hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới đảm bảo được tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chủ động khai báo để cơ quan điều tra thu giữ số tiền 300.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 08 năm tù - dưới mức thấp nhất của khung hình phạt áp dụng là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm nhiều tài liệu thể hiện: (1) gia đình bị cáo có công với **N** (bác ruột là Liệt sĩ; ông bà nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3; bà ngoại là thương binh 4/4; cha mẹ để có nhiều thành tích trong công tác được **Bộ V1**, TT&DL và **UBND tỉnh Q** tặng bằng khen, kỷ niệm chương); (2) hoàn cảnh gia đình bị cáo đang rất khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình; bị cáo được **UBND thành phố H**, tỉnh Quảng Nam tặng giấy khen khi tham gia giải vô địch quốc gia môn Billiards và **S** năm 2013; (3) Biên nhận nộp tiền khắc phục toàn bộ hậu quả, được bị hại có đơn xin giảm hình phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đặc biệt, mặc dù hoàn cảnh gia đình rất khó khăn nhưng sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục toàn bộ số tiền 200 triệu đồng cho bị hại theo như phán quyết của bản án sơ thẩm, thể hiện ý thức tôn trọng phán quyết của Tòa án cũng như thái độ ăn năn, hối cải của bị cáo; bị hại chị **Vũ Hoàng Ngọc L** cũng có đơn xin Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo sớm được trở về gánh vác nghĩa vụ với gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt. Việc giảm cho bị cáo một phần hình phạt trong trường hợp cụ thể này không chỉ thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội thật sự ăn năn, hối cải, mà còn lan tỏa sự nhân văn của bị hại đối với bị cáo nhưng vẫn đảm bảo được tính nghiêm minh của pháp luật trong xử lý người phạm tội.

[3]. Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo **Trần Đình T** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm (theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

[4]. Các nội dung, quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Trần Đình T**; sửa Bản án hình sự sơ

thẩm số 66/2024/HS-ST ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về phần hình phạt đối với **Trần Đình T**.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt **Trần Đình T** 07 (bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt 07 năm tù của bản án này với hình phạt 18 tháng tù của Bản án hình sự phúc thẩm số 38/2022/HS-PT ngày 07/3/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, buộc bị cáo **Trần Đình T** phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 15/10/2020).

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo **Trần Đình T** không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các nội dung, quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao – Vụ GDKT I;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Nam;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Nam;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Nam (02 bản, 01 bản giao cho bị cáo Trần Đình Tuấn);
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Công